

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3382/STP-VP
V/v triển khai Kế hoạch số 13190/KH-
UBND ngày 14/11/2019

Đồng Nai, ngày 21 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa.

Ngày 14/11/2019, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 13190/KH-UBND về việc thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

Triển khai nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, Sở Tư pháp đề nghị UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa chỉ đạo Phòng Tư pháp cùng cấp, UBND xã, phường, thị trấn trên cơ sở dữ liệu thống kê sơ bộ số lượng sổ hộ tịch và các trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch trên địa bàn từ trước năm 1975 đến 30/6/2019 tiếp tục thực hiện rà soát, hiệu chỉnh số liệu, hoàn chỉnh thông tin và sắp xếp toàn bộ sổ hộ tịch hiện có tại đơn vị, địa phương, hoàn thành **trước ngày 31/12/2019** và báo cáo kết quả thực hiện, số liệu thống kê chính thức về Sở Tư pháp **trước ngày 10/01/2020**.

Sở Tư pháp đề nghị UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa quan tâm phối hợp chỉ đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng Tư pháp cấp huyện;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

Võ Thị Xuân Đào



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13190 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 11 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024;

Căn cứ Quyết định số 2173/QĐ-BTP ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về phê duyệt Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử;

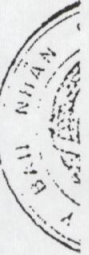
Nhằm cụ thể hóa Kế hoạch số 2195/KH-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và trên cơ sở Hướng dẫn số hóa Sổ hộ tịch kèm theo Công văn số 1473/BTP-CNTT ngày 25/4/2019 của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai kịp thời việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và bảo đảm tối đa lợi ích của người dân.

b) Hiện đại hóa công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; thiết lập hệ thống thông tin hộ tịch đồng bộ, thông suốt giữa các cơ quan đăng ký hộ tịch ở địa phương; bảo đảm việc kết nối để chia sẻ, cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, bảo đảm tối đa lợi ích cho người dân góp phần nâng cao



hiệu lực, hiệu quả, hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

c) Bảo đảm các sự kiện hộ tịch của công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam tại địa bàn tỉnh, công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài được đăng ký kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật; nâng cao tỷ lệ đăng ký hộ tịch, tập trung vào tỷ lệ đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử.

d) Bảo đảm mọi người dân đều được cấp giấy tờ hộ tịch (*đặc biệt là cấp Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai tử*), có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật; công dân trên địa bàn tỉnh có thể yêu cầu cấp trích lục bản sao hộ tịch ở tất cả các cơ quan quản lý dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

đ) Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao, tiến độ hoàn thành.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ theo Đề án đã được phê duyệt và thực tiễn của địa phương, các Chương trình, Kế hoạch có liên quan của tỉnh; đảm bảo Đề án được triển khai nghiêm túc, đúng tiến độ và có hiệu quả.

b) Phát huy vai trò chủ động, tích cực, trách nhiệm của các cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc thực hiện Đề án, nhất là trong việc bảo đảm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử để cập nhật, kết nối và chia sẻ trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

c) Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong việc triển khai thực hiện. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp có liên quan trên địa bàn tỉnh, bảo đảm số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử từ trước năm 1975 cho đến ngày 30/6/2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu hộ tịch toàn quốc có chất lượng, hiệu quả, dữ liệu thống nhất, chính xác.

d) Số liệu đăng ký hộ tịch được thống kê, tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời, có các chỉ tiêu cơ bản theo quy định pháp luật; việc triển khai thực hiện phải công khai, minh bạch, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

đ) Việc số hóa dữ liệu hộ tịch phải đảm bảo các tiêu chuẩn dữ liệu thông tin theo quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức rà soát, hiệu chỉnh số liệu, hoàn chỉnh thông tin và sắp xếp sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a) Nội dung: Trên cơ sở dữ liệu thống kê sơ bộ số lượng sổ hộ tịch và các trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ trước năm 1975 đến 30/6/2019, các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện

rà soát, hiệu chỉnh số liệu, hoàn chỉnh thông tin và sắp xếp toàn bộ số hộ tịch hiện có tại đơn vị, địa phương một cách khoa học, ngăn nắp để chuẩn bị phục vụ việc thực hiện số hóa thông tin dữ liệu hộ tịch lịch sử.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

c) Đơn vị phối hợp: Phòng Tư pháp các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Thời gian thực hiện: Từ tháng 10/2019 đến hết 31/12/2019.

2. Thực hiện số hóa sổ hộ tịch và cung cấp thông tin hộ tịch giai đoạn 2006 đến nay vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc

a) Nội dung: Ưu tiên tổ chức thực hiện số hóa sổ hộ tịch và cung cấp thông tin hộ tịch (giai đoạn từ năm 2006 đến nay) vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc bằng Phần mềm quản lý dữ liệu hộ tịch lịch sử. Số lượng sổ hộ tịch và trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch sau khảo sát sơ bộ như sau:

- Giai đoạn I (từ 01/01/2016 đến 30/6/2019): 5.120 sổ hộ tịch với 596.764 trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch.

- Giai đoạn II (từ 01/01/2007 đến 31/12/2015): 8.531 sổ hộ tịch với 1.203.400 trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch.

Đối với việc thực hiện số hóa sổ hộ tịch và cung cấp thông tin hộ tịch giai đoạn tiếp theo sẽ thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Số lượng sổ hộ tịch và trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch sau khảo sát sơ bộ như sau:

- Giai đoạn III (từ 01/01/1999 đến 31/12/2006): 5.429 sổ hộ tịch với 697.386 trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch.

- Giai đoạn IV (từ 01/01/1976 đến 31/12/1998): 4.505 sổ hộ tịch với 1.179.740 trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch.

- Giai đoạn V (từ 31/12/1975 trở về trước): 196 sổ hộ tịch với 19.200 trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

c) Đơn vị phối hợp: Đơn vị thực hiện số hóa; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; UBND cấp xã.

d) Thời gian thực hiện: Trong năm 2020 - 2021 sẽ triển khai thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử của Giai đoạn I và Giai đoạn II. Đối với số hóa sổ hộ tịch và cung cấp thông tin hộ tịch các Giai đoạn từ năm 2006 trở về trước sẽ thực hiện trong năm tiếp theo.

3. Nguyên tắc, phương pháp và cách thức thực hiện

a) Nguyên tắc thực hiện

- Dữ liệu số hóa sổ hộ tịch và thông tin dữ liệu phải được thực hiện cập nhật, số hóa một cách chính xác, nhanh chóng và đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc số hóa sổ hộ tịch và thông tin dữ liệu phải thực hiện đồng bộ với việc rà soát, sắp xếp hệ thống sổ hộ tịch, đảm bảo thực hiện chế độ lưu trữ vĩnh viễn theo quy định.



- Dữ liệu hộ tịch do cấp nào tạo lập (đăng ký) thì cấp đó sẽ thực hiện việc số hóa tại cấp đó. Trường hợp sổ hộ tịch do UBND cấp xã đăng ký nhưng lưu tại 02 cấp (cấp xã và cấp huyện) thì thực hiện việc số hóa tại cấp xã.

- Đối với dữ liệu mà theo lịch sử hiện không xác định được cơ quan tạo lập (do chia tách, sáp nhập địa giới hành chính hoặc sổ hộ tịch từ trước 30/4/1975 để lại hiện còn lưu) thì thực hiện việc số hóa tại cấp lưu sổ hộ tịch đó.

b) Phương pháp và cách thức thực hiện

- Việc số hóa dữ liệu hộ tịch phải được thực hiện trên cơ sở Hướng dẫn số hóa Sổ hộ tịch kèm theo Công văn số 1473/BTP-CNTT ngày 25/4/2019 của Bộ Tư pháp.

- Việc số hóa dữ liệu hộ tịch được thực hiện từng giai đoạn, từng đơn vị và địa bàn cấp huyện cụ thể theo hình thức cuốn chiếu.

- Ưu tiên tập trung hoàn thành việc số hóa các sổ hộ tịch đã được đăng ký trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến thời điểm chính thức triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (dữ liệu hộ tịch được đăng ký theo quy định của Luật Hộ tịch) và giai đoạn từ năm 2006 đến hết năm 2015 (dữ liệu hộ tịch được đăng ký theo quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch), vì đây là hai giai đoạn công tác đăng ký, quản lý hộ tịch được thực hiện bài bản và sổ đăng ký hộ tịch được lưu trữ đầy đủ nhất.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước (nguồn kinh phí chi sự nghiệp thường xuyên quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/2/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông).

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định, cân đối bố trí vốn và tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh dự toán kinh phí thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí của Dự án; tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để triển khai các nội dung của Kế hoạch này.

d) Quản lý tài khoản, phân cấp tài khoản cho cấp huyện, cấp xã và đơn vị thực hiện số hóa trên Phần mềm quản lý dữ liệu hộ tịch lịch sử. Tổ chức hướng dẫn và công tác phối hợp trong quy trình thực hiện số hóa giữa đơn vị thực hiện số hóa và các đơn vị, địa phương lưu trữ sổ hộ tịch.

d) Hướng dẫn UBND, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; UBND cấp xã trong việc sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và các phần mềm chuyên ngành khác có sử dụng dữ liệu hộ tịch của cá nhân bảo đảm phù hợp với Kế hoạch.

e) Theo dõi và phối hợp với các đơn vị, địa phương theo dõi việc cập nhật dữ liệu hộ tịch lịch sử (cập nhật dữ liệu số hóa) trên phạm vi toàn tỉnh. Thực hiện đôn đốc, giám sát, kiểm tra; phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện nghiệm thu sản phẩm, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo Bộ Tư pháp, UBND tỉnh theo quy định.

g) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh nghiên cứu phương án sử dụng dữ liệu của phần mềm nhân hộ khẩu để dùng cho việc cập nhật Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp. Các thông tin từ phần mềm nhân hộ khẩu được dùng để tham khảo, đối chiếu và kiểm tra tính chính xác của thông tin dữ liệu đầu vào trong khi thực hiện số hóa sổ hộ tịch.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp căn cứ vào tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Dự án và các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết khác (nếu phát sinh) để thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch lịch sử vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hướng dẫn việc quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

b) Chỉ đạo các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh bảo đảm việc kết nối đường truyền Internet phục vụ tốt cho quá trình số hóa tại các địa phương.

4. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện việc cấp số định danh cá nhân cho người đi đăng ký khai sinh theo quy định của Luật Hộ tịch và Luật Căn cước công dân.

b) Công an tỉnh có trách nhiệm cung cấp dữ liệu từ phần mềm nhân hộ khẩu để Sở Tư pháp thực hiện việc đối chiếu và kiểm tra tính chính xác của thông tin dữ liệu đầu vào trong khi thực hiện số hóa sổ hộ tịch.

5. Các sở, ban, ngành: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này.

6. UBND các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố.

b) Giao Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với đơn vị thực hiện số hóa triển khai các nhiệm vụ trong Dự án đúng nội dung, trách nhiệm được phân công một cách chính xác, đúng thời hạn, đúng quy định pháp luật. Chỉ đạo bố trí công chức Phòng Tư pháp, UBND cấp xã có đủ năng lực làm đầu mối phối hợp thực hiện việc số hóa tại địa phương.



c) Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hộ tịch và các văn bản có liên quan; bảo đảm vận hành tốt phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch tại địa phương.

đ) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện số hóa tại địa phương và chỉ đạo thực hiện công tác phê duyệt số hóa, thực hiện nghiệm thu, bàn giao và xác nhận kết quả thực hiện số hóa tại địa phương.

7. Đối với đơn vị thực hiện số hóa

a) Tổ chức thực hiện số hóa theo đúng quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ và chất lượng được xác định trong các tài liệu, Đề án và hợp đồng được ký kết. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, điều kiện kỹ thuật và công nghệ để đáp ứng tất cả các yêu cầu của quá trình số hóa sổ hộ tịch.

b) Chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương quản lý sổ hộ tịch để thực hiện quá trình số hóa.

c) Thực hiện đề nghị phê duyệt số hóa, phối hợp nghiệm thu, bàn giao và xác nhận kết quả thực hiện số hóa với các địa phương.

d) Định kỳ thực hiện báo cáo tiến độ, khó khăn vướng mắc phát sinh về Sở Tư pháp để xem xét, xử lý.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Phòng Tư pháp các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, THNC.

<Maibnt.KH.T11>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Kết quả thống kê sơ bộ số lượng sổ hộ tịch và các trường hợp phát sinh được ghi nhận trong sổ hộ tịch tại Đồng Nai
(Kèm theo Kế hoạch số 3190/KH-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

S T T	Loại/ Nhóm sổ	GIAI ĐOẠN I (Từ 01/01/2016 đến 30/6/2019)		GIAI ĐOẠN II (Từ 01/01/2007 đến 31/12/2015)		GIAI ĐOẠN III (Từ 01/01/1999 đến 31/12/2006)		GIAI ĐOẠN IV (Từ 01/01/1976 đến 31/12/1998)		GIAI ĐOẠN V (Trước 31/12/1975)		CỘNG THEO LOẠI/NHÓM SỔ	
		Kết quả thống kê		Kết quả thống kê		Kết quả thống kê		Kết quả thống kê		Kết quả thống kê		Số	Trường hợp
		Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp	Số	Trường hợp		
1	Kết hôn	784	87.902	1.834	266.034	1.519	173.320	1.362	196.110	66	3.228	5.565	726.594
2	Khai sinh	1.642	270.188	3.367	618.389	2.567	438.032	2.046	905.776	94	14.779	9.716	2.247.164
3	Nhận Cha mẹ con	331	2.633	293	9.269	27	708	20	4.489	0	0	671	17.099
4	Xác nhận tình trạng hôn nhân	999	147.341	1.119	175.082	103	18.250	64	11.634	0	0	2.285	352.307
5	Khai Từ	651	53.264	1.353	111.970	1.104	63.477	948	59.608	36	1.193	4.092	289.512
6	Nhóm khác còn lại	713	35.436	565	22.656	109	3.599	65	2.123	0	0	1.452	63.814
CỘNG THEO GIAI ĐOẠN		5.120	596.764	8.531	1.203.400	5.429	697.386	4.505	1.179.740	196	19.200	23.781	3.696.490